ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 4219/QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 15 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.629, đoạn qua thôn Trà Cong, huyện An Lão của Sở Giao thông vận tải

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3791/STNMT-CCBVMT ngày 02/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.629, đoạn qua thôn Trà Cong, huyện An Lão của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Định;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.629, đoạn qua thôn Trà Cong, huyện An Lão đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 2254/SGTVT-BQLBT ngày 09/11/2023 của Sở Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1376/TTr-STNMT ngày 14/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.629, đoạn qua thôn Trà Cong, huyện An Lão (sau đây gọi là Dự án) của Sở Giao thông vận tải (sau đây gọi là Chủ đầu tư) thực hiện tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Giao thông vận tải;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện An Lão;
- UBND xã An Hòa;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10, K19.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NÂNG CẤP MỞ RỘNG TUYẾN ĐƯỜNG ĐT.629, ĐOẠN QUA THÔN TRÀ CONG, HUYỆN AN LÃO CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.629, đoạn qua thôn Trà Cong, huyện An Lão.

- Địa điểm thực hiện: huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Định.

- Địa chỉ liên hệ: Số 08 đường Lê Thánh Tôn, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

Dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.629, đoạn qua thôn Trà Cong, huyện An Lão thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi (TCVN 4054:2005) có tổng chiều dài 1.554m, bề rộng nền đường 7,5m, kết cấu bê tông nhựa, cụ thể:

- Điểm đầu tuyến: Tại Km19+150 tuyến đường ĐT.629.

- Điểm cuối tuyến: Tại Km20+704 tuyến đường ĐT.629.

- Công trình thoát nước:

+ Xây dựng mới 01 cầu bản hộp khẩu độ L_o = 2x6m; 03 cầu bản hộp khẩu độ L_o = 3x6m.

+ Xây dựng mới 02 cống vuông 1m và 04 cống vuông 2m.

1.3. Các hạng mục dự án và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án: Đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.629, đoạn qua thôn Trà Cong, huyện An Lão có tổng chiều dài 1.554m, bề rộng nền đường là 7,5m.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: công trình thoát nước, hệ thống an toàn giao thông.

1.3.3. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công của dự án:

- 01 đường công vụ chiều dài khoảng 549,23m, mặt đường rộng 6,0m, cao độ bằng cao độ hiện trạng tuyến đường ĐT.629 để bảo đảm an toàn giao thông thông suốt và phục vụ thi công.

- 01 trạm trộn BTXM có diện tích 300m^2 với công suất 60m^3/giờ.

1.3.4. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: bố trí 02 nhà vệ sinh

di động; tại mỗi đoạn thi công bố trí 02 hố lắng dung tích 2 m^3/hố để lắng lọc nước thải thi công; bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại đảm bảo theo quy định.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 20.474,21 m^2.

2. Hạng mục dự án và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Trong giai đoạn thi công phát sinh bụi và khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị thi công; chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu; gây ảnh hưởng đến việc thoát nước khu vực xung quanh,…

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 0,675 m^3/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 2,0 m^3/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng…

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO_2, H_2S, VOC,…

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn từ đào bỏ mặt đường BTXM bị hư hỏng, phá dỡ cầu cũ, đào bỏ cống cũ và mặt đường BTXM hiện trạng, khối lượng cấp phối đá dăm đường công vụ đào bỏ khoảng 1.533,91m^3.

- Khối lượng đất không tận dụng từ thi công các hạng mục bao gồm: đánh cấp nền đường, thi công nền đường, gia cố mái taluy, cống tròn, cầu bản, mương đất hoàn trả, đường công vụ khoảng 6.733,27m^3.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 4,32 - 5,76 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông.

- Lượng đất vét hữu cơ, vét bùn khoảng 3.279,16m^3.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 13,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu... của các phương tiện thi công, vận chuyển với khối lượng khoảng 25kg trong suốt quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang hỏng, các loại dầu mỡ thải, ắc quy…

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh với lượng nhỏ không đáng kể trong quá trình duy tu, bảo dưỡng.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động của trạm trộn; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.,...

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục dự án và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa gây tác động đến đời sống và sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự khu vực dự án.

- Việc hình thành dự án gây ảnh hưởng đến vấn đề tiêu thoát nước, ngập úng cục bộ, nguồn nước tưới nông nghiệp của người dân tại khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: bố trí các rãnh thu gom nước mưa trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để đất, cát được lưu giữ lại, đảm bảo nước được lắng trong trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Nước thải xây dựng: tại mỗi đoạn thi công bố trí 02 hố lắng dung tích 2 m^3/hố để lắng lọc và tái sử dụng cho quá trình xây dựng (tưới ẩm, dập bụi bề mặt công trường, tưới ẩm nguyên vật liệu, rửa bánh xe).

- Nước thải từ trạm trộn BTXM: được lắng sơ bộ tại bể lắng thể tích 6m^3, đặt phía dưới trạm trộn, để thu gom, lắng lọc nước thải và tái sử dụng cho quá trình thi công xây dựng (tưới ẩm, dập bụi bề mặt công trường, làm ẩm nguyên vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a. Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn thi công

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín, hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi tại khu vực thi công; thực hiện phun tưới nước dập bụi tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu, tuyến đường công vụ và khu vực lân cận công trường tần suất 2 lần/ngày.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, giám sát bụi bốc lên từ trạm trộn và thực hiện ngay việc tưới nước làm ẩm vật liệu, bố trí trạm trộn xa khu dân cư, ở cuối hướng gió.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

- Lập kế hoạch chi tiết vệ sinh mặt đường tạo nhám, ưu tiên vệ sinh vào ban đêm có sử dụng bạt che chắn đối với vị trí nhạy cảm, thông báo kế hoạch này trước 15 - 20 ngày cho chính quyền và người dân khu vực chủ động trong công tác sinh hoạt và kinh doanh.

- Lập kế hoạch thi công trước khi triển khai thi công xây dựng để hạn chế việc tập trung nhiều thiết bị thi công cùng một thời điểm.

b. Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành: định kỳ thực hiện vệ sinh tuyến đường.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom, phân loại rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Tận dụng triệt để các nguyên vật liệu có thể tái chế, tái sử dụng (bao xi măng, plastic, sắt, thép, cốt pha bằng gỗ...). Phần chất thải xây dựng không thể tận dụng được sẽ thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Thu gom toàn bộ khối lượng đất cát, chất thải thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng xử lý theo quy định.

+ Khối lượng chất thải rắn phát sinh do đào bỏ mặt đường bị hư hỏng, phá dỡ cầu cũ, đào bỏ cống cũ và mặt đường BTXM hiện trạng, khối lượng cấp phối đá dăm đường công vụ đào bỏ khoảng 1.533,91m^3 sẽ được vận chuyển đi đổ thải

tại thôn Vạn Xuân, xã An Hòa, diện tích 0,2ha.

+ Lượng đất vét hữu cơ, vét bùn khoảng 3.279,16m^3 và khối lượng đất không tận dụng từ thi công các hạng mục khoảng 6.733,27m^3 sẽ được vận chuyển đi đổ thải tại điểm Quy hoạch khu dân cư Sông Lấp thuộc thôn Vạn Long, xã An Hòa, huyện An Lão, diện tích khoảng 1,1ha.

+ Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, hạn chế sa bồi, sạt lở và phục hồi môi trường bãi thải khi kết thúc đổ thải.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Thực hiện thu gom riêng chất thải nguy hại với chất thải phải kiểm soát và bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn tại khu vực lán trại.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Xây dựng kế hoạch thi công cụ thể nhằm sử dụng các thiết bị thi công trong công trình một cách hợp lý nhằm tránh vận hành đồng thời nhiều thiết bị gây ồn, rung. Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Yêu cầu các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu khi qua khu vực dân cư phải giảm tốc độ, không chở quá tải và hạn chế bóp còi vào giờ cao điểm.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án giảm thiểu tác động do hoạt động chiếm dụng đất lúa: Phương án đền bù, giải phóng mặt bằng được thực hiện công khai, hợp lý đúng theo quy định. Đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi tạm thời sẽ có chính sách hỗ trợ, đền bù tương xứng và sau khi thi công phải thực hiện hoàn trả mặt bằng để người dân tiếp tục sản xuất.

4.4.2. Phương án hoàn trả kênh mương chiếm dụng tạm thời: Hoàn trả mương đất bị ảnh hưởng với khẩu độ 1,5m.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Lập phương án phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Xây dựng phương án tổ chức thi công và phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công, có người điều tiết giao thông vào giờ cao điểm. Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của công trình để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

- Xây dựng các nội quy làm việc tại công trường, tuyên truyền, phổ biến

cho công nhân, đặc biệt là biện pháp đảm bảo an toàn thi công trong mùa mưa lũ, tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ đầu tư

5.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm tại khu vực giáp nhà dân hiện trạng ở đầu tuyến (tọa độ: 1.605.635; 570.928).

+ 01 điểm tại khu vực giáp nhà dân hiện trạng ở đoạn giữa tuyến (tọa độ: 1.606.409; 570.629)

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/ lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.2. Giám sát chất lượng nước mặt

- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD_5, NH_4^+, NO_3^-, PO_4^{3-}, dầu mỡ khoáng, coliform.

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm tại cầu Bà Nhỏ 2 trong Dự án (tọa độ: 1.605.661; 570.916);

+ 01 điểm tại cầu Bà Nhỏ 4 trong Dự án (tọa độ: 1.606.011; 570.726).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong giai đoạn thi công.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.